

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2017/HSPT

Ngày: 10-8-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Văn Tỉnh

2. Ông Bùi Quang Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2017/HSPT ngày 15 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Tuấn C do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Tuấn C**, sinh ngày 03 tháng 3 năm 1989 tại Bến Tre. Nơi cư trú: ấp T, xã BT, huyện B, tỉnh Bến Tre; số chứng minh nhân dân: xxxxxxxxxx; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1961 và bà Phan Thị R, sinh năm 1963; có vợ: Trần Thị M, sinh năm 1988 (đã ly hôn năm 2012) và 01 con sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 19/8/2016 cho đến nay; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Hà Văn T nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn T là Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 08/8/2016, Nguyễn Tuấn C từ phòng số 4, nhà nghỉ S ở số 179F, khu phố 2, phường P, thành phố B đến nhà của Hà Văn T ở ấp P, xã P,

huyện C, tỉnh Bến Tre. Tại đây, T đưa cho C 01 gói ma túy đá và nói với C khi nào có ai hỏi mua ma túy thì T sẽ điện báo cho C biết để C đem đi giao thì C đồng ý rồi đem gói ma túy đá trên về nhà nghỉ S cất giấu. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1985; nơi cư trú: số 166A/1, ấp 1, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre) đến nhà T hỏi mua thiếu 300.000 đồng ma túy đá, T kêu Đ đến trước cửa nhà nghỉ S sẽ có người giao ma túy cho Đ. Nói xong, T điện thoại cho C biết, đồng thời nhắn tin: “Chúc có người ra lấy cái 3 xì a ra dao dùm e nha a”. C nhắn tin trả lời: “Dạ”. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, tại khu vực trước nhà nghỉ S, C đã bán 01 gói ma túy đá cho Đ như yêu cầu của T.

Đến khoảng 21 giờ ngày 08/8/2016, T đến trước khu vực nhà nghỉ X ở xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre mua của một người tên Nguyễn Sắc C (không rõ địa chỉ cụ thể) 19 gói ma túy đá với giá 4.000.000 đồng rồi đem về trại gà của T ở xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre cất giấu. Sau đó, T điện thoại kêu C đến và đưa cho C 11 gói ma túy đá được đựng trong 02 túi nylon và nói với C khi nào có ai hỏi mua ma túy thì T điện báo cho C biết để C đem đi giao thì C đồng ý, còn lại 08 gói ma túy T cất giữ. Sau khi nhận 11 gói ma túy đá từ T, C đem về phòng số 4 nhà nghỉ S cất giấu vào hộc tủ bàn trang điểm trong phòng. Đến khoảng 08 giờ ngày 09/8/2016, C điện thoại kêu Tạ Thị Yến N (sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp 4, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre) và Nguyễn Thị Hồng L (sinh năm 1994; nơi cư trú: khu phố 1, phường 2, thành phố T, tỉnh Long An) đến phòng số 04 của C chơi. Sau đó, T cũng đến phòng số 04 của C. Tại đây, T lấy ra 01 gói ma túy mà T cất giấu để cùng C, N và L sử dụng, còn lại 07 gói ma túy đá T bỏ vào túi quần với mục đích khi nào có ai hỏi mua thì T bán nhưng chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an phát hiện.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu trong túi quần phía trước, bên trái của T đang mặc:
- + 01 túi nylon hàn kín 03 phía, phía còn lại có rãnh kéo ngang, trên túi nylon có chữ “BABY WORLD”, bên trong có 07 gói nylon hàn kín 04 phía, tất cả đều có chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký của Hà Văn T, Võ Thiện T, Phạm Thị Thu T, Nguyễn Thuận A, Dương Văn N và dấu tròn màu đỏ của Công an phường P, thành phố B – ký hiệu A).
- + Tiền Việt Nam 1.000.000 đồng.
- + 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, model Win A2, số Imel1: 3544710515xxxxx, số Imel2: 3544710515xxxxx.
- + 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh đen, biển số xxB2-xxxx.

Tiến hành khám khẩn cấp phòng số 04 nhà nghỉ S, lực lượng Công an tiếp tục thu giữ:

- Thu giữ trên bàn tròn, cạnh giường ngủ của C:
- + 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model 107, số Imel1: 352385/06/12xxxx/x, số Imel2: 352385/06/12xxxx/x.

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, model 100, màu đỏ đen, số Imel: 356345/05/15xxxx/x của Nguyễn Thị Hồng L.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo, model A11W, màu xám đen, số Imel1: 8694340280xxxxx, số Imel2: 8694340280xxxxx của Tạ Thị Yến N.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng hồng, số Imel1: 8691250249xxxxx, số Imel2: 8691250249xxxxx của Hà Văn T.

+ 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar, model LAIZ, màu trắng, mặt sau có dán hoa văn, số Imel: 3595504202xxxxx của Nguyễn Tuấn C.

+ 01 quạt ga.

+ 01 chai nhựa hiệu sting màu trắng, nắp màu đỏ. Trên nắp có 02 lỗ, 01 lỗ gắn ống hút, lỗ còn lại gắn nỏ.

+ 01 đoạn ống nhựa màu trắng được cắt nhọn một đầu.

+ Thu trong bóp của C tiền Việt Nam 2.500.000 đồng.

- Thu trong hộc tủ bàn trang điểm cạnh bàn tròn trong phòng:

+ 01 gói nylon màu trắng được hàn kín ba phía, phía còn lại được dán keo. Bên trong có 05 gói nylon hàn kín bốn phía, phía trên có vạch màu đỏ, bên trong đều có chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký của Hà Văn T, Nguyễn Tuấn C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh T, Phạm Thị Thu T, Hà Văn P, Dương Văn N và dấu tròn màu đỏ của Công an phường P, thành phố B – ký hiệu B1).

+ 01 gói nylon màu trắng được hàn kín ba phía, phía còn lại được dán keo. Bên trong có 06 gói nylon hàn kín bốn phía, bên trong đều có chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy (sau khi thu giữ được niêm phong trong phong bì có chữ ký của Hà Văn T, Nguyễn Tuấn C, Nguyễn Văn M, Nguyễn Minh T, Phạm Thị Thu T, Hà Văn P, Dương Văn N và dấu tròn màu đỏ của Công an phường P, thành phố B – ký hiệu B2).

+ 01 kéo kim loại màu trắng.

+ 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar, màu đen vàng, số Imel: 3522210204xxxxx và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu hồng đen của Nguyễn Tuấn C.

+ 01 đoạn ống nhựa màu trắng được cắt nhọn một đầu.

Theo kết luận giám định số 2635/C54B ngày 10/8/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói ký hiệu A: Tinh thể màu trắng đựng trong 07 gói nylon nhỏ được niêm phong gửi đến giám định đều có chứa thành phần Methamphetamine, tổng trọng lượng 2,2354 gam.

- Gói ký hiệu B1: Tinh thể màu trắng đựng trong 05 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định đều có chứa thành phần Methamphetamine, tổng trọng lượng 2,8120 gam.

- Gói ký hiệu B2: Tinh thể màu trắng đựng trong 06 gói nylon được niêm phong gửi đến giám định đều có chứa thành phần Methamphetamine, tổng trọng lượng 1,2632 gam.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2016 đến ngày 07/8/2016, C còn nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho Huỳnh Thị Khả A (sinh năm 1997; ĐKTT: số 426, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre) và Nguyễn Thanh P (tên thường gọi: TG, sinh năm 1981; ĐKTT: ấp P, xã PAH, huyện C, tỉnh Bến Tre), cụ thể:

* Bán cho A đi cùng với P 01 lần 01 gói ma túy đá thu được 700.000 đồng: Khoảng 22 giờ, không rõ ngày, trong tháng 5/2016, P nhờ A điện thoại cho C hỏi mua 700.000 đồng ma túy đá thì C đồng ý và hẹn A đến khu vực ngã tư TĐ thuộc phường P, thành phố B để bán ma túy. Thỏa thuận xong, P điều khiển xe mô tô chở A đến điểm hẹn. Tại đây, C đã bán cho A và P 01 gói ma túy đá thu được 700.000 đồng.

* Bán cho P đi cùng với Bùi SĐ (tên thường gọi: Bì, sinh năm 1995; ĐKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre) 02 lần 02 gói ma túy đá thu được 1.250.000 đồng và 01 điện thoại di động:

- Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 8/2016, P điện thoại cho C hỏi mua 800.000 đồng ma túy đá thì C đồng ý và hẹn P đến khu vực trước tiệm game bắn cá gần vòng xoay P, thành phố B để bán ma túy. Thỏa thuận xong, P điều khiển xe mô tô chở SĐ đến tiệm game bắn cá như đã hẹn. Tại đây, C đã bán cho P 01 gói ma túy đá thu được 800.000 đồng.

- Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 07/8/2016, P điện thoại cho C hỏi mua 800.000 đồng ma túy đá thì C đồng ý và kêu P đến trước cửa nhà nghỉ S, C sẽ giảm giá cho P 50.000 đồng, C chỉ lấy giá 750.000 đồng. Sau đó, P điều khiển xe mô tô chở SĐ đến điểm hẹn. Tại đây, C bán cho P 01 gói ma túy đá, P đưa C 450.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model 107 (do P thiếu 300.000 đồng nên thế điện thoại cho C).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 11-5-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn C 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/8/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hà Văn T, phần biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/5/2017 bị cáo Nguyễn Tuấn C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo chỉ bán ma túy một lần chứ không phải nhiều lần như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận chỉ bán ma túy một lần. Bị cáo giữ nguyên kháng cáo chỉ bán ma túy một lần và bổ sung kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là phù hợp. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, việc bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm không thừa nhận bán ma túy và tại phiên tòa phúc thẩm chỉ thừa nhận có bán ma túy 01 lần là hành vi quanh co chối tội. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn C 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến: Đồng ý về tội danh của bị cáo. Tuy nhiên, cần xem xét nguồn gốc 19 gói ma túy là của bị cáo Hà Văn T. Bị cáo C thừa nhận có bán ma túy 01 lần cho Nguyễn Thanh P, riêng lần giao ma túy cho anh Nguyễn Văn Đ thì bị cáo C chỉ giao giùm theo yêu cầu của bị cáo T chứ không biết bị cáo T bán ma túy cho anh Đ. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ mối quan hệ giữa bị cáo T với bị cáo C ai là người tổ chức, bị cáo C chỉ giúp sức nhưng mức hình phạt cao hơn bị cáo T. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo C đã thừa nhận bán ma túy cho anh P và giao ma túy cho anh Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét có thể hủy án sơ thẩm để điều tra bổ sung xác định ai là người có vai trò tổ chức, nếu xét xử thì xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo phát biểu ý kiến: Bị cáo chỉ bán ma túy một lần, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa.

XÉT THẤY:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận: Vào ngày 07/8/2016 có bán cho Nguyễn Thanh P (TG) 01 lần 01 gói ma túy với số tiền 750.000 đồng, anh P đưa cho bị cáo 450.000 đồng, do còn thiếu 300.000 đồng nên anh P thế cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model 107. Vào ngày 08/8/2016 bị cáo Hà Văn T có nhắn tin yêu cầu bị cáo ra trước cửa nhà nghỉ S giao 01 gói ma túy cho anh Nguyễn Văn Đ nên bị cáo có giao ma túy cho anh Đ giùm bị cáo T, bị cáo không biết bị cáo T bán ma túy cho anh Đ nên lần này bị cáo không có bán ma túy cho anh Đ.

Ngoài ra, vào tối ngày 08/8/2016 bị cáo T có điện thoại bị cáo lên trại gà của bị cáo T ở xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre có công chuyện, khi bị cáo đến thì bị cáo T đưa cho bị cáo 01 gói giấy báo và kêu bị cáo đem về cất giùm có gì thì bị cáo T điện thoại cho bị cáo sau. Lúc đó bị cáo không biết là vật gì nhưng khi về đến nhà nghỉ S bị cáo mở ra xem thì thấy 19 gói ma túy, bị cáo có điện thoại hỏi bị cáo T sao gói cho bị cáo nhiều vậy thì bị cáo T nói giữ đó đi, sau đó thì Công an khám xét phát hiện và thu giữ tang vật. Ngoài ra bị cáo không có bán ma túy cho bất kỳ ai khác. Bị cáo thừa nhận các bản tự khai và lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là do bị cáo tự khai đúng với sự việc, không có ai ép buộc hoặc hướng dẫn bị cáo khai, giữa bị cáo với bị cáo T và những người làm chứng khác đều không có mâu thuẫn gì với nhau. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Tuấn C trong quá trình điều tra kết hợp với lời khai của bị cáo Hà Văn T, với những người làm chứng, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và biên bản phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2016 đến ngày 08/8/2016, bị cáo Nguyễn Tuấn C đã nhiều lần bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện trên địa bàn thành phố B, tỉnh Bến Tre, cụ thể: Bán cho Huỳnh Thị Khả A (N) và Nguyễn Thanh P (TG) 01 lần 01 gói ma túy đá thu được 700.000 đồng, tại khu vực ngã tư TĐ thuộc phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Bán cho Nguyễn Thanh P (TG) đi cùng với Bùi SĐ 01 gói ma túy đá thu được 800.000 đồng, tại khu vực trước tiệm game bắn cá gần vòng xoay phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Bán cho Nguyễn Thanh P (TG) đi cùng với Bùi SĐ 01 gói ma túy đá, P đưa C 450.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model 107 (do P thiếu 300.000 đồng nên thế điện thoại cho C), tại khu vực trước cửa nhà nghỉ S thuộc phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Bán giùm bị cáo Hà Văn T 01 gói ma túy đá cho Nguyễn Văn Đ với số tiền 300.000 đồng tại khu vực trước nhà nghỉ S, thuộc phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo yêu cầu của bị cáo T. Ngoài ra, vào ngày 09/8/2016, khi bị cáo T đang cất giữ trái phép 07 gói ma túy đá có chứa thành phần Methamphetamine, tổng trọng lượng 2,2354 gam Methamphetamine và bị cáo C đang cất giữ trái phép 11 gói ma túy đá có chứa thành phần Methamphetamine, tổng trọng lượng 4,0752 gam Methamphetamine để bán cho những người khác nhưng chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Tuấn C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo chỉ bán ma túy một lần và giảm nhẹ hình phạt, thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T và nhiều người làm chứng khác như Huỳnh Thị Khả A (N), Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thanh P (TG) và Bùi SĐ đều khai rằng có mua ma túy của bị cáo C nhiều lần, có chứng kiến và nhìn thấy sự việc mua bán ma túy của bị cáo C, phù hợp với biên bản ghi lời khai và bản tự khai của bị cáo C trong quá trình điều tra. Ngoài ra: Tại biên bản đối chất giữa anh Nguyễn Thanh P (TG) với bị cáo C (BL 364 – 366), anh P khai rằng có mua ma túy của bị cáo C nhiều

lần, trong đó có 02 lần anh P chở anh Bùi SĐ đi theo và anh SĐ đã chứng kiến, nhìn thấy bị cáo C bán ma túy cho anh P, anh P trả tiền và thế điện thoại cho bị cáo C; Phù hợp với biên bản đối chất giữa anh Bùi SĐ với anh Nguyễn Thanh P (TG) (BL 376) có nội dung anh SĐ đi cùng anh P mua ma túy và nhìn thấy bị cáo C bán ma túy cho anh P 02 lần; Phù hợp với lần bị cáo C bán cho anh P 01 gói ma túy đá thu được 800.000 đồng tại khu vực trước tiệm game bắn cá gần vòng xoay phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre và lần bị cáo C bán cho anh P 01 gói ma túy đá với số tiền 750.000 đồng, anh P đưa C 450.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model 107 (do P thiếu 300.000 đồng nên thế điện thoại cho C), tại khu vực trước cửa nhà nghỉ S thuộc phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Phù hợp với bản tự khai của bị cáo C vào ngày 12/8/2016 và lời khai tại phiên tòa phúc thẩm. Tại biên bản đối chất giữa bị cáo C với chị Huỳnh Thụy Khả A (N) (BL 394), chị A khai rằng có quen biết với bị cáo C và có sử dụng ma túy chung với bị cáo C. Chị A khai nhận có cùng đi với anh Nguyễn Thanh P (TG) mua ma túy của bị cáo C nhiều lần, trong đó có 02 lần chị A trực tiếp nhận ma túy của bị cáo C và trả tiền cho bị cáo C (tiền mua ma túy do anh P đưa cho chị A), 01 lần chị A cùng anh P trực tiếp mua ma túy của bị cáo C tại ngã tư TĐ thuộc phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre và 01 lần chị A cho anh P số điện thoại của bị cáo C để anh P tự liên lạc mua ma túy của bị cáo C; Phù hợp với lần bị cáo C bán cho Huỳnh Thị Khả A và Nguyễn Thanh P 01 gói ma túy đá thu được 700.000 đồng, tại khu vực ngã tư TĐ thuộc phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Trong các bản tự khai của bị cáo C vào các ngày 09/8/2016 và 12/8/2016, bị cáo đã tự khai ra hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình; Đồng thời tại các biên bản ghi lời khai bị cáo đều thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy trong khi cơ quan điều tra chưa phát hiện. Ngoài ra, qua xem xét biên bản kiểm tra điện thoại di động của bị cáo T thì bị cáo T có nhắn tin cho bị cáo với nội dung “Chúc có người ra lấy cái 3 xì a ra dao dùm e nha a” và bị cáo nhắn tin trả lời: “Dạ”, điều này đã chứng minh bị cáo nhận thức được rằng bị cáo T bán ma túy cho anh Đ với giá 300.000 đồng, bị cáo T yêu cầu bị cáo giao ma túy cho anh Đ và bị cáo đã đồng ý thực hiện theo yêu cầu của bị cáo T; Phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn Đ có nội dung hỏi mua thiếu của bị cáo T 01 gói ma túy đá với số tiền 300.000 đồng do bị cáo C giao ma túy tại khu vực trước cửa nhà nghỉ S (BL 387, 549). Mặt khác, quá trình khám xét phòng trọ số 04 nhà nghỉ S do bị cáo thuê ở, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model 107; Phù hợp với lời khai và biên bản nhận dạng điện thoại di động của anh Trương Châu B về đặc điểm, nguồn gốc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, model 107 nêu trên là của anh B sử dụng trước đây, sau đó anh B bán lại điện thoại này cho anh P với số tiền 100.000 đồng; Phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Thanh P và anh Bùi SĐ đối với vụ mua bán ma túy vào ngày 07/8/2016 tại khu vực trước cửa nhà nghỉ S, lần này anh P thiếu bị cáo C 300.000 đồng nên thế lại điện thoại trên, sự việc mua bán ma túy và thế lại điện thoại có anh SĐ chứng kiến và phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm. Từ

những chứng cứ nêu trên, có căn cứ khẳng định bị cáo Nguyễn Tuấn C đã thực hiện hành vi mua bán ma túy nhiều lần, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, bị cáo kháng cáo chỉ bán ma túy một lần là không có cơ sở. Đối với kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm tuy bị cáo thừa nhận có bán ma túy cho anh Nguyễn Thanh P 01 lần 01 gói ma túy với số tiền 750.000 đồng, tuy nhiên các lần bán ma túy khác thì bị cáo vẫn không thừa nhận. Xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, không được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự như bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo là gia đình chính sách có công với đất nước, có cậu ruột là liệt sĩ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo đang cấp dưỡng nuôi con nhỏ và có em ruột đang bị bệnh, đã xử phạt bị cáo 07 năm tù theo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng. Xét thấy các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo về yêu cầu bị cáo chỉ bán ma túy một lần và giảm nhẹ hình phạt nên giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[4] Đối với người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy án sơ thẩm để điều tra lại xác định ai là người có vai trò tổ chức, nếu xét xử thì giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử bị cáo C với tình tiết định khung phạm tội nhiều lần, hơn nữa vụ án này thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn nên không cần thiết phải xác định người nào có vai trò tổ chức, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng, vì vậy đề nghị nêu trên của người bào chữa là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của Bộ

luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn C 07 (Bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/8/2016.

[2] Căn cứ vào Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Tuấn C phải nộp án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đ (Hai trăm ngàn đồng).

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hà Văn T, phân biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân thành phố B (3b);
- Công an và Viện kiểm sát huyện Tp. B (2b);
- UBND xã BT – huyện B (1b);
- Chi cục THADS thành phố B (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Nhà tạm giữ Công an Tp. B (2b);
- (để giao cho bị cáo C 1b)
- Phòng KTNV & THA, Tòa hình sự,
- Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre, lưu. (3b);

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tôn Văn Thông